

Số: 19 /2016/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 20 tháng 7 năm 2016

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2016

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 40/2015/NQ-HĐND8 ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh khóa VIII – Kỳ họp thứ 18 về Kế hoạch đầu tư công năm 2016;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 46/TTr-SKHĐT ngày 05/7/2016.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2016 là 5.500 tỷ đồng (Năm nghìn năm trăm tỷ đồng). Phân bổ vốn đầu tư cho từng danh mục dự án, công trình cho từng huyện, thị xã, thành phố theo Phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch được giao, các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 60/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2016./.

Nơi nhận: *h*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể<sup>(60)</sup>;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- LĐVP, CV, Website, Công Báo;
- Lưu VT. *bh*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*Trần Thanh Liêm*  
Trần Thanh Liêm



Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2016

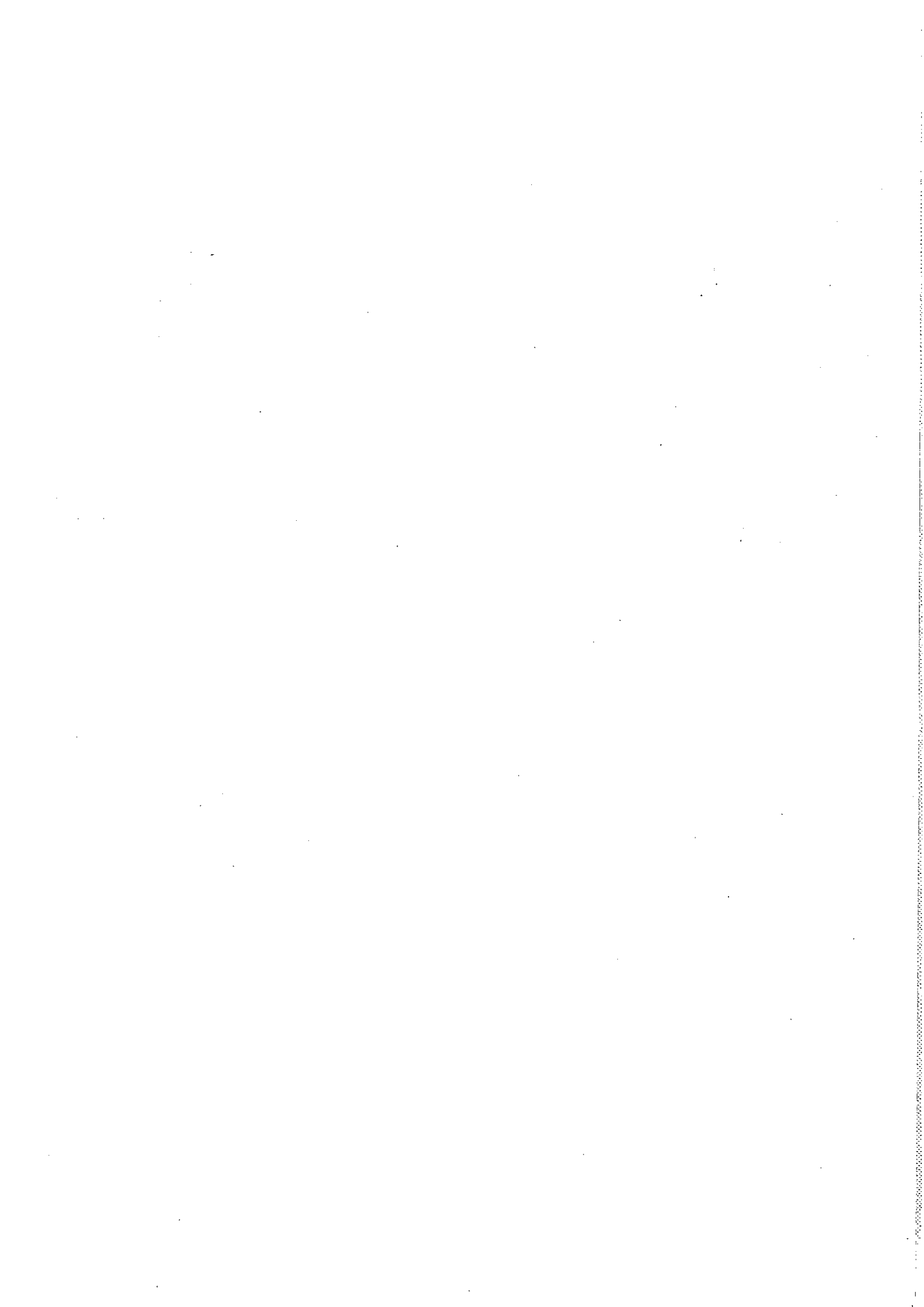
(Kèm theo Quyết định số 19 /2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)



Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch điều chỉnh 2016	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG (A+B+C+D)</b>	<b>5.500.000</b>	<b>5.500.000</b>	
<b>A</b>	<b>VỐN CẤP TỈNH (1+2+3)</b>	<b>2.220.000</b>	<b>2.240.464</b>	
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư (a+b+c)</b>	<b>68.030</b>	<b>42.426</b>	
a	Hạ tầng kinh tế	34.530	14.626	
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	18.500	18.700	
c	Quản lý Nhà nước - Quốc phòng - An ninh	15.000	9.100	
<b>2</b>	<b>Thực hiện dự án (a+b+c)</b>	<b>2.141.970</b>	<b>2.188.038</b>	
a	Hạ tầng kinh tế	1.420.070	1.535.374	
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	536.900	441.300	
c	Quản lý Nhà nước - Quốc phòng - An ninh	185.000	211.364	
<b>3</b>	<b>Thanh, quyết toán các công trình hoàn thành dưới 1.000 triệu đồng.</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>	
<b>B</b>	<b>VỐN CẤP HUYỆN (a+b+c)</b>	<b>1.830.000</b>	<b>1.844.536</b>	
a	Vốn phân cấp theo tiêu chí cho cấp huyện	1.150.000	1.150.000	
b	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	650.000	664.536	
c	Vốn tỉnh hỗ trợ theo Nghị quyết 32/NQ-TU	30.000	30.000	
<b>C</b>	<b>VỐN XỔ SỐ KIẾN THIẾT (a+b)</b>	<b>900.000</b>	<b>965.000</b>	
a	Cấp tỉnh	345.000	350.000	
b	Cấp huyện, thị xã, thành phố	555.000	615.000	
<b>D</b>	<b>DỰ PHÒNG (a+b)</b>	<b>550.000</b>	<b>450.000</b>	
a	Ngân sách tỉnh	450.000	415.000	
b	Xổ số kiến thiết	100.000	35.000	

Ghi chú: Tổng vốn Kế hoạch chưa bao gồm 932 tỷ đồng vốn nước ngoài (ODA).



Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2016

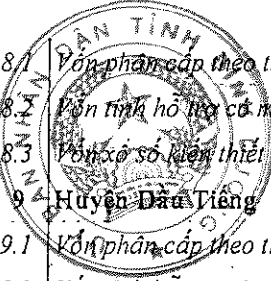
Vốn phân cấp theo tiêu chí, Vốn tình hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện, Vốn xổ số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện, thị xã, thành phố



(Kèm theo Quyết định số 19 /2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch điều chỉnh 2016	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG (1+2+...+8+9)</b>	<b>2.385.000</b>	<b>2.459.536</b>	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	1.150.000	1.150.000	
	Vốn tình hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	650.000	664.536	
	Vốn xổ số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	555.000	615.000	
<b>1</b>	<b>Thành phố Thủ Dầu Một</b>	<b>450.834</b>	<b>450.834</b>	
1.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	190.834	190.834	
1.2	Vốn tình hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	170.000	170.000	
1.3	Vốn xổ số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	90.000	90.000	
1.4	Vốn tình hỗ trợ theo Nghị quyết 32/NQ-TU	30.000	30.000	
<b>2</b>	<b>Thị xã Thuận An</b>	<b>358.982</b>	<b>358.982</b>	
2.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	228.982	228.982	
2.2	Vốn tình hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	50.000	50.000	
3.2	Vốn xổ số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	80.000	80.000	
<b>3</b>	<b>Thị xã Dĩ An</b>	<b>361.533</b>	<b>381.533</b>	
3.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	221.533	221.533	
3.2	Vốn tình hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	60.000	60.000	
3.3	Vốn xổ số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	80.000	100.000	
<b>4</b>	<b>Thị xã Tân Uyên</b>	<b>222.926</b>	<b>232.926</b>	
4.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	87.926	87.926	
4.2	Vốn tình hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	75.000	75.000	
4.3	Vốn xổ số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	60.000	70.000	
<b>5</b>	<b>Huyện Bắc Tân Uyên</b>	<b>181.438</b>	<b>186.438</b>	
5.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	76.438	76.438	
5.2	Vốn tình hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	60.000	60.000	
5.3	Vốn xổ số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	45.000	50.000	
<b>6</b>	<b>Thị xã Bến Cát</b>	<b>220.908</b>	<b>230.908</b>	
6.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	93.908	93.908	
6.2	Vốn tình hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	62.000	62.000	
6.3	Vốn xổ số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	65.000	75.000	
<b>7</b>	<b>Huyện Bàu Bàng</b>	<b>186.669</b>	<b>191.669</b>	
7.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	71.669	71.669	
7.2	Vốn tình hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	70.000	70.000	
7.3	Vốn xổ số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	45.000	50.000	
<b>8</b>	<b>Huyện Phú Giáo</b>	<b>188.129</b>	<b>207.665</b>	



8.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	85.129	85.129
8.2	Vốn tình hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	58.000	72.536
8.3	Vốn xóa số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	45.000	50.000
<b>9.4</b>	<b>Huyện Dầu Tiếng</b>	<b>183.581</b>	<b>188.581</b>
9.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	93.581	93.581
9.2	Vốn tình hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	45.000	45.000
9.3	Vốn xóa số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	45.000	50.000

Phụ lục III

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2016  
VỐN TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH  
CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)



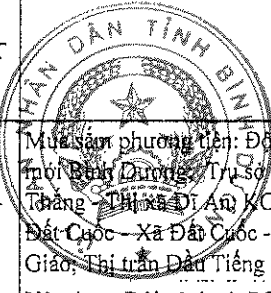
Đơn vị: Triệu đồng

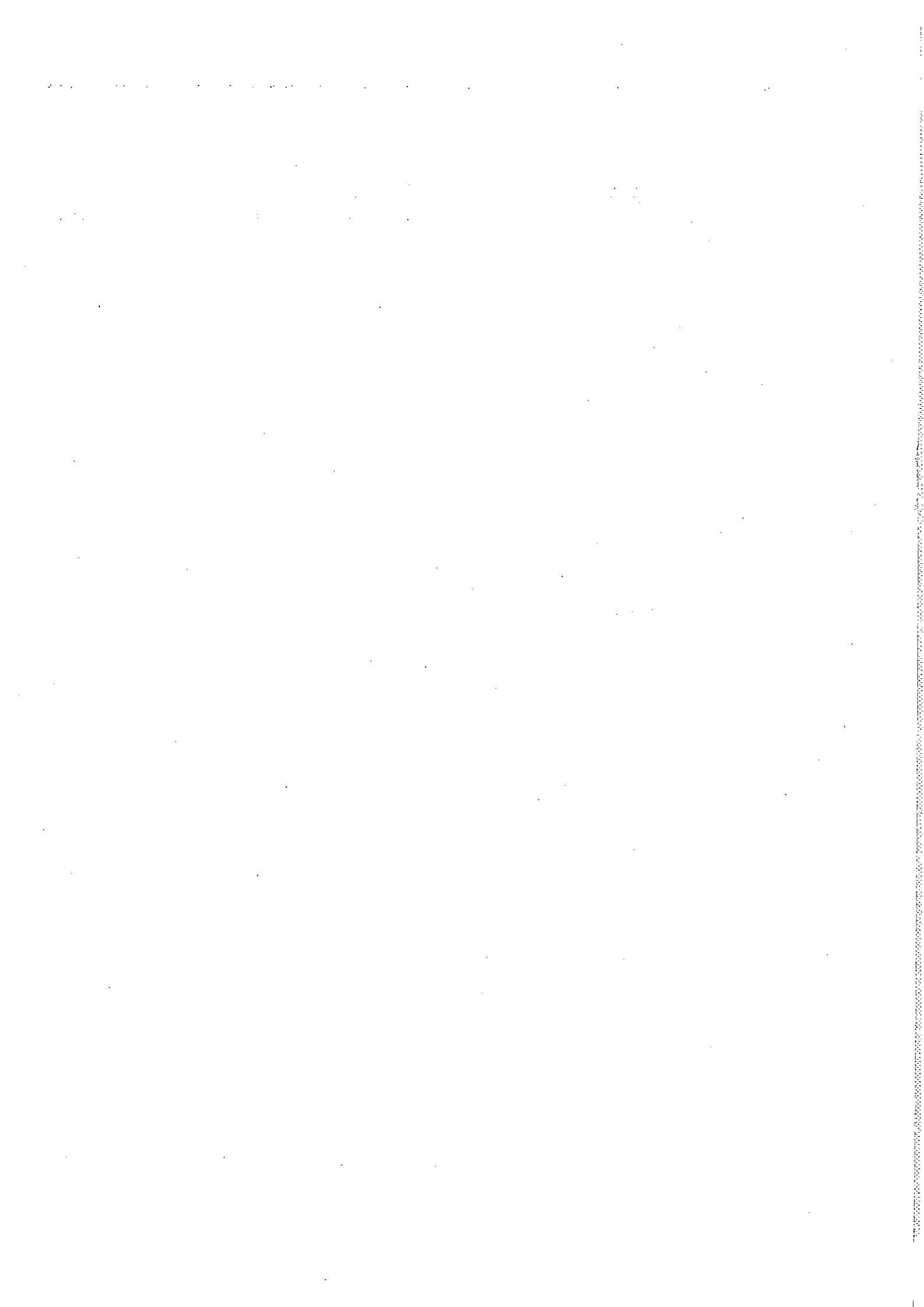
STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ (A+B+C)</b>	68.030	42.426	
<b>A</b>	<b>HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II+III)</b>	34.530	14.626	
<b>I</b>	<b>GIAO THÔNG</b>	26.100	5.100	
1	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên- Đất Cuốc	1.200	0	→THDA
2	Xây dựng Đường từ Quốc lộ 13 đến ĐT743	50	50	
3	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	950	850	
4	Xây dựng mới cầu Bến Tăng	100		→THDA
5	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng cây ăn quả có múi xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	100	100	
6	Tuyến xe buýt nhanh BRT nối thành phố mới Bình Dương - Suối Tiên	1.000	1.000	
7	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp cải tạo các nút giao lộ Quốc lộ 13 (Đoạn từ điểm giao Cầu Phú Long đến nút giao Ngã tư Hòa Lân)	100	0	→THDA
8	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2)	500	0	
9	Xây dựng đường từ ngã 3 đường tạo lực 2B đến cảng Thạnh Phước (giáp đường ĐT.747A) huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	100	100	
10	Xây dựng mới cầu Đò qua sông Thị Tinh	1.000	-	
11	Nâng cấp, mở rộng ĐT748 đoạn từ giáp giao lộ ngã tư Phú Thứ đến vành đai Bắc thị trấn Mỹ Phước	1.000	500	
12	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	5.000	-	→THDA
13	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	5.000	-	→THDA
14	Dự án đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài	2.000		→THDA
15	Dự án xây dựng đường Bắc Nam 3	3.000		→THDA
16	Tuyến đường trục chính Đông Tây: đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp Quốc Lộ 1K (khoảng 3.640m)	2.000	500	
17	Xây dựng hạ lưu cống ngang đường ĐT744 đoạn từ Km6+000 đến Km32+000	1.000	500	
18	Xây dựng bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên (Giải đoạn 2)		1.000	BSDM
19	Tuyến đường vành đai Đông Bắc 2: đoạn từ trục chính Đông Tây (khu vực giữa khu dân cư Bình Nguyên và Trường Cao đẳng nghề Đồng An) đến giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn (khoảng 1.600m)	2.000	500	
<b>II</b>	<b>CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG CỘNG VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG</b>	6.600	8.046	
20	Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An, Tân Uyên (Trong đó, phần đền bù: 7.430 triệu đồng)	2.000	7.430	
21	Chính trang, khai thông dòng chảy suối Vàm Vá, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.	100	100	

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Ghi chú
22	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực thị xã Dĩ An (Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn III)	3.000		→ THDA
23	Mua sắm trang thiết bị nhằm tăng cường năng lực của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường	1.000	200	
24	Xây dựng trạm thủy văn trên sông Sài Gòn (Trạm thủy văn cầu Vĩnh Bình - Sài Gòn)	500	100	
25	Đê bao ấp Phú Thuận		216	BSDM
<b>III</b>	<b>NÔNG NGHIỆP - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>	<b>1.830</b>	<b>1.480</b>	
26	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Thanh An	400	300	
27	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch công trình cấp nước tập trung nông thôn xã An Lập	480	400	
28	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Minh Hòa	200	200	
29	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Minh Thạnh	570	400	
30	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Định Hiệp	180	180	
<b>B</b>	<b>HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI (B=I+II+III+IV)</b>	<b>18.500</b>	<b>18.700</b>	
<b>I</b>	<b>Y TẾ</b>	<b>6.200</b>	<b>5.650</b>	
31	Trang thiết bị nhánh C - Bệnh viện Đa Khoa tỉnh	100	100	
32	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	1.000	50	
33	Phòng tiêm ngừa Trung tâm y tế dự phòng	2.000	2.000	
34	Khu tái định cư Phú Chánh	3.000	3.000	
35	Tăng cường năng lực phân tích kiểm nghiệm của Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh (giai đoạn 1)		200	BSDM
36	Mở rộng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Dương		200	BSDM
37	Cải tạo Khoa Dược và Khối Hành chính của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Dương	100	100	
<b>II</b>	<b>GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>	<b>3.400</b>	<b>1.500</b>	
38	Đầu tư trang thiết bị dạy học cho các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bình Dương	100	100	
39	Sửa chữa nhà thi đấu thể thao đa năng - Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore	100	200	
40	Trường Đại học Thủ Dầu Một	2.000	500	
41	Ký túc xá sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một	500		
42	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật công trường rào và công viên cây xanh Trường Đại học Thủ Dầu Một	500	500	
43	Dự án đầu tư Nội thất toàn nhà F2 - Khu ký túc xá sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	200	200	
<b>III</b>	<b>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG</b>	<b>6.100</b>	<b>6.000</b>	
44	Dự án xây dựng các phần mềm quản lý chuyên ngành của Sở Kế hoạch và Đầu tư	200	0	→ THDA
45	Nâng cấp phần mềm quản lý trung tâm của hệ thống quan trắc nước thải tự động	400	400	
46	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý và phần mềm chuyên ngành xây dựng giai đoạn 2	300	300	
47	Đầu tư trang thiết bị Hội nghị truyền hình trực tuyến giữa cấp tỉnh và cấp huyện	100	100	

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Ghi chú
48	Ứng dụng CNTT tại 9 trung tâm y tế cấp huyện	100	100	
49	Đầu tư thiết bị bảo mật cho các trung tâm dữ liệu	100	100	
50	Đầu tư cho Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông đổi mới hoạt động dịch vụ, tư vấn phát triển công nghệ thông tin và đảm nhiệm vai trò trung tâm dữ liệu dự phòng	100	100	
51	Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin cho Tòa nhà trung tâm hành chính	100	100	
52	Thiết bị chuyên dùng phục vụ tác nghiệp phát thanh truyền hình	3.000	3.000	
53	Thiết bị Trường quay - Nhà bá âm	500	500	
54	Đầu tư 20 Camera kỹ thuật số - Đài phát thanh truyền hình Bình Dương	300	300	
55	Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Bình Dương	100	100	
56	Ứng dụng CNTT tại Bệnh viện đa khoa giai đoạn 2	100	100	
57	Đầu tư cho Báo Bình Dương giai đoạn 3	100	100	
58	Xây dựng CSDL về giám định tư pháp, luật sư, chứng thực	100	100	
59	Xây dựng CSDL doanh nghiệp tỉnh Bình Dương	100	100	
60	Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh ủy và phần mềm đặc thù cho các cơ quan Đảng tỉnh BD	100	200	
61	Xây dựng khu thực nghiệm khoa học và công nghệ thuộc Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.	200	200	
62	Đầu tư tăng cường năng lực kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm thuộc Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng.	100	100	
<b>IV</b>	<b>VĂN HÓA - XÃ HỘI - THỂ THAO</b>	<b>2.800</b>	<b>5.550</b>	
63	Khảo cổ di tích Dốc Chùa	100	4.100	
64	Trùng tu, tôn tạo Di tích lịch sử Đình Phú Long	200	200	
65	Trùng tu, tôn tạo di tích Sở Chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh (giai đoạn 2)	300	0	
66	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục Nhà Thiếu nhi Bình Dương (giai đoạn 3)	2.000	0	
67	Trung bày mỹ thuật khu tưởng niệm Chiến khu D		200	BSDM
68	Nâng cấp cơ sở vật chất Bảo tàng tỉnh Bình Dương		200	BSDM
69	Trung bày mỹ thuật khu Di tích lịch sử Rừng Kiến An		200	BSDM
70	Xây dựng Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân - Hội nông dân tỉnh Bình Dương		450	BSDM
71	Trung tâm huấn luyện thể thao Bình Dương	200	200	
<b>C</b>	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC QPAN (C=I+II+III+IV)</b>	<b>15.000</b>	<b>9.100</b>	
<b>I</b>	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>	<b>3.700</b>	<b>600</b>	
72	Trung tâm lưu trữ tập trung tỉnh	200	200	
73	Trung tâm lưu trữ ngành Tài nguyên và Môi trường	200	200	
74	Trung tâm Hành chính huyện Bàu Bàng	1.500	100	
75	Trung tâm Hành chính huyện Bắc Tân Uyên	1.500	100	
76	Trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ núi Cậu - Dầu Tiếng và các hạng mục phụ trợ	100	-	→THDA
77	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Bàu Bàng	100	-	→THDA
78	Xí nghiệp Công trình công cộng huyện Bàu Bàng	100	-	→THDA
<b>II</b>	<b>QUỐC PHÒNG</b>	<b>1.300</b>	<b>1.250</b>	

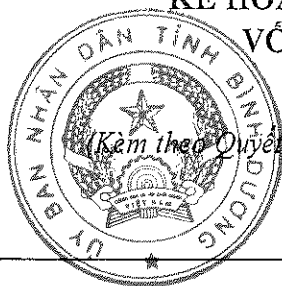
STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Ghi chú
79	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bầu Bàng	200	250	
80	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bắc Tân Uyên	200	250	
81	Ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của Lực lượng vũ trang tỉnh Bình Dương	100	100	
82	Xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh thuộc Trường Quân sự địa phương	400	400	
83	Xây dựng nhà ăn cho Đại đội huấn luyện chiến sĩ mới và Đại đội huấn luyện dự bị động viên của Trung đoàn Bộ binh 6	100	100	
84	Quy hoạch thể trận quân sự KVPT tỉnh: Sở chỉ huy cơ bản	100	50	
85	Quy hoạch thể trận quân sự KVPT tỉnh: hầm cất giấu vũ khí, trang bị	100	50	
86	Đề án quy hoạch và xây dựng căn cứ hậu cần kỹ thuật khu vực phòng thủ Bình Dương	100	50	
III	<b>AN NINH</b>	<b>6.400</b>	<b>4.750</b>	
87	Nhà khách công vụ công an tỉnh Bình Dương	1.000	1.000	
88	Trường bắn súng ngắn kết hợp hội trường 500 chỗ	1.000		→THDA
89	Xây dựng hạng mục Nhà làm việc chính thuộc công trình: Trụ sở làm việc Công an tỉnh Bình Dương	1.000	1.000	
90	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an Thị xã Bến Cát		400	
91	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an Thị xã Tân Uyên		400	
92	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an Tp. Thủ Dầu Một		400	
93	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an Thị xã Thuận An		400	
94	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an huyện Dầu Tiếng		400	
95	Xây dựng, nâng cấp và mở rộng Trại giam Nhà tạm giữ Công an các huyện, thị xã, thành phố thuộc Công an tỉnh Bình Dương. Hạng mục các Nhà tạm giữ Công an TP. TDM, Thuận An, Tân Uyên, Bến Cát, Dầu Tiếng	1.000	-	
96	Mua sắm thiết bị, nghiệp vụ chuyên dùng công an tỉnh Bình Dương	1.000	-	→THDA
97	Trạm kiểm soát Giao thông Quốc lộ 13 (50% vốn địa phương)	100	50	
98	Trụ sở làm việc Công An huyện Bắc Tân Uyên (50% vốn địa phương)	100	600	
99	Triển khai hệ thống camera quan sát an ninh trong thành phố mới Bình Dương và Công thông tin điện tử Công an tỉnh Bình Dương	100	50	
100	Xây dựng văn phòng điện tử tại Công an tỉnh và công an các huyện thị xã, thành phố	100	50	
101	Cơ sở làm việc Công an các phường trên địa bàn tỉnh Bình Dương - Giai đoạn 2: Công an các phường thuộc Công an TP. Thủ Dầu Một, thị xã Tân Uyên và thị xã Bến Cát.	1.000		
IV	<b>PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY</b>	<b>3.600</b>	<b>2.500</b>	
102	Mua sắm trang thiết bị phục vụ sự cố cháy nổ	1.000	1.000	
103	Xây dựng trụ sở các đội Cảnh sát PC&CC khu vực: Phường Bình Thắng - Thị xã Dĩ An; KCN VSIP 2 - xã Vĩnh Tân - Thị xã Tân Uyên; KCN Đất Cước - Xã Đất Cước - huyện Bắc Tân Uyên; Xã Phước Hoà - huyện Phú Giáo; Thị trấn Dầu Tiếng - huyện Dầu Tiếng	1.000		→THDA

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	Ghi chú
104	 Mua sắm phương tiện: Đội Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tại Khu đô thị mới Bình Dương. Trụ sở các đội Cảnh sát PC&CC khu vực: Phường Bình Trưng - Thị xã Dĩ An; KCN VSIP 2 - xã Vĩnh Tân - Thị xã Tân Uyên; KCN Đất Cốc - Xã Đất Cốc - huyện Bắc Tân Uyên; Xã Phước Hoà - huyện Phú Giáo; Thị trấn Dầu Tiếng - huyện Dầu Tiếng.	1.000	1.000	
105	Xây dựng Đội cảnh sát PCCC khu vực thuộc Phòng cảnh sát PC&CC số 1 (Phường Phú Mỹ - Tp.TDM)	100		→THDA
106	Mua sắm xe bồn tiếp nước chữa cháy	500	500	



## Phụ lục IV

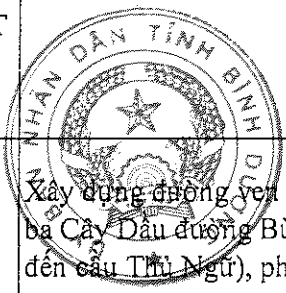
**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2016  
VỐN TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH  
THỰC HIỆN DỰ ÁN**




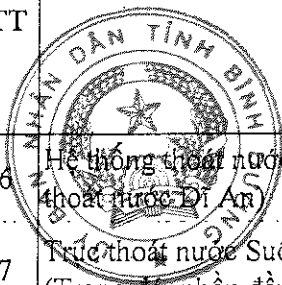
*(Kèm theo Quyết định số 19 /2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch điều chỉnh 2016	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ (A+B+C)</b>	<b>2.141.970</b>	<b>2.188.038</b>	
<b>A</b>	<b>HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II+III)</b>	<b>1.420.070</b>	<b>1.535.374</b>	
<b>I</b>	<b>GIAO THÔNG</b>	<b>792.743</b>	<b>962.384</b>	
<b>I.1</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>792.743</b>	<b>837.753</b>	
1	Xây dựng mới cầu Thủ Biên	2.354	1.617	
2	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình làm mới đường ĐT746 nối dài đoạn từ dốc Cây Quáo đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh	6.000	6.000	
3	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh	73.000	62.000	
4	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT746 đoạn từ cầu Tân Khánh đến dốc Cây Quáo	5.000	5.000	
5	Đường vào Trung tâm Chính trị - Hành chính tập trung tỉnh Bình Dương	142.000	142.000	
6	Nâng cấp, mở rộng đường Phú An - An Tây, huyện Bến Cát (giai đoạn 1)	3.000	3.000	
7	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên (Trong đó, phần đền bù: 13.954 triệu đồng)	94.220	94.220	
8	Đầu tư hệ thống thoát nước để giải quyết ngập úng vào mùa mưa tại các điểm dân cư dọc hai bên đường ĐT741	3.200	2.075	
9	Khu tái định cư Phú Hòa	5.091	5.220	
10	Dự án đền bù đường Mỹ Phước - Tân Vạn	59.988	59.988	
11	Đường ĐT744 đoạn từ cầu Ông Cộ đến Km 12+000	6.000	5.012	
12	Xây dựng mới cầu Thới An qua sông Thị Tính	1.500	2.115	
13	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Bình Nhâm đến đường Châu Văn Tiếp, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	6.000	6.000	
14	Xây dựng cầu Bà Cỏ	44.000	44.000	

STT	 Danh mục	Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch điều chỉnh 2016	Ghi chú
15	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn - giai đoạn I (Đoạn từ ngã ba Cây Dầu đường Bùi Quốc Khánh - Nguyễn Tri Phương đến cầu Thủ Ngự), phường Chánh Nghĩa	30.000	15.000	
16	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài về hướng khu công nghiệp Mỹ Phước II và III	10.000	10.000	
17	Cải tạo nút giao thông ngã tư Sở Sao (Trong đó, phần đền bù: 10.000 triệu đồng)	10.000	10.000	
18	Giao lộ ngã tư Phú Thứ Bến Cát (Trong đó, phần đền bù: 40.000 triệu đồng)	40.000	50.600	
19	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường Đài Liệt sĩ Tân Phước Khánh	10.000	-	
20	Xây dựng đường nối từ cầu Thới An đến ĐT748 (Trong đó, phần đền bù: 6.794 triệu đồng)	34.000	25.735	
21	Đường ĐT744 đoạn từ Km12+000 đến Km32+000 (Trong đó, phần đền bù: 54.990 triệu đồng)	65.000	85.000	
22	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Cồng Xanh (gấp đường ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Trong đó, phần đền bù: 5.036 triệu đồng)	70.000	90.500	
23	Xây dựng mới cầu Tam Lập	2.390	3.671	
24	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Mụon đi ngã ba Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Trong đó, phần đền bù: 1.951 triệu đồng)	70.000	109.000	
I.2	<b>Dự án khởi công mới</b>	-	124.631	
25	Xây dựng mới cầu Bến Tăng		10.000	CBĐT→
26	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên- Đất Cước		36.631	CBĐT→
27	Dự án đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài		20.000	CBĐT→
28	Dự án xây dựng đường Bắc Nam 3		20.000	CBĐT→
29	Giải phóng mặt bằng đường Tạo lực Mỹ Phước- Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu công nghiệp Bàu Bàng)		13.000	CBĐT→
30	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp cải tạo các nút giao lộ Quốc lộ 13 (Đoạn từ điểm giao Cầu Phú Long đến nút giao Ngã tư Hòa Lân)		12.000	CBĐT→

STT	 Danh mục	Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch điều chỉnh 2016	Ghi chú
31	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)		13.000	CBĐT→
II	<b>NÔNG NGHIỆP - PTNT</b>	<b>32.065</b>	<b>35.740</b>	
II.1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	20.665	16.740	
32	Xây dựng cơ sở hạ tầng trang trại Đội thanh niên xung phong tỉnh Bình Dương	10.000	6.000	
33	Dự án cấp nước tập trung xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng	9.080	9.155	
34	Dự án cấp nước tập trung xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng	1.585	1.585	
II.2	<i>Dự án khởi công mới</i>	11.400	19.000	
35	Hệ thống cấp nước tập trung xã Định An	11.400	19.000	
III	<b>CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG CỘNG VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG</b>	<b>595.262</b>	<b>537.250</b>	
III.1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	535.262	467.250	
36	Hệ thống thoát nước bên ngoài hàng rào các khu công nghiệp An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2. (Trong đó, phần đền bù: 1.500 triệu đồng)	27.500	2.000	
37	Nạo vét suối chợ Tân Phước Khánh. (Trong đó, phần đền bù: 3.000 triệu đồng)	48.000	31.000	
38	Xây dựng và cải tạo kênh Ba Bò đoạn thuộc địa phận tỉnh Bình Dương. (Trong đó, phần đền bù: 15.000 triệu đồng)	120.000	58.000	
39	Trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đồn. (Trong đó, phần đền bù: 87.000 triệu đồng)	137.212	175.000	
40	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	50.000	50.000	
41	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn I		3.750	BSDM
42	Nâng công suất nhà máy xử lý chất thải Nam Bình Dương (Mở rộng nhà máy xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương)	500	500	
43	Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng	12.000	12.000	
44	Đầu nối thoát nước cho KCN An Tây. (Trong đó, phần đền bù: 2.500 triệu đồng)	12.050	20.000	
45	Dự án đền bù tuyến ống nước dẫn nước thô từ hồ Phước Hòa về trung tâm đô thị Bình Dương. (Trong đó, phần đền bù: 33.000 triệu đồng)	33.000	33.000	

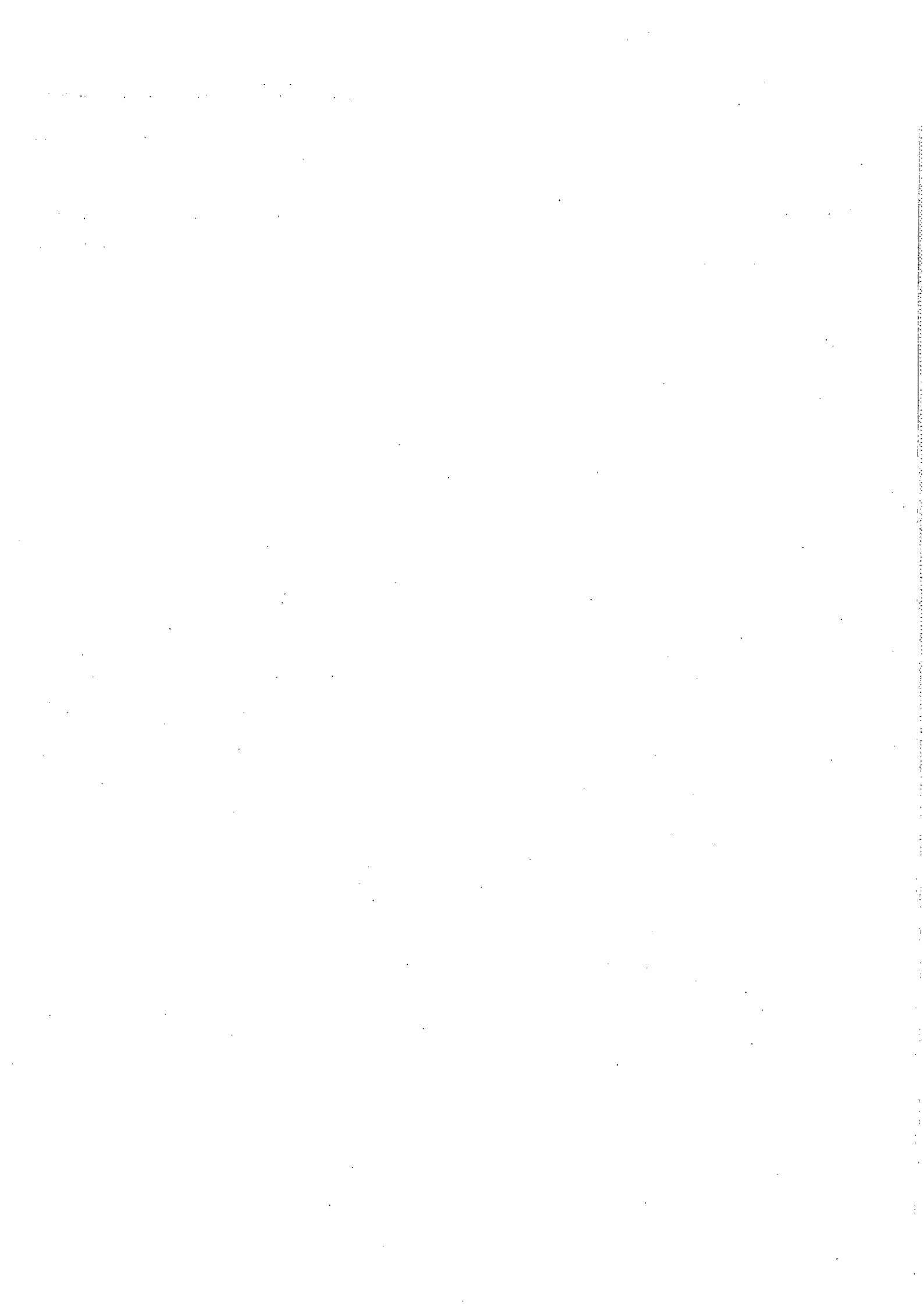


STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch điều chỉnh 2016	Ghi chú
46	Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp (Hệ thống thoát nước Dĩ An)	40.000	2.000	
47	Trực thoát nước Suối Giữa, thành phố Thủ Dầu Một. (Trong đó, phần đền bù: 15.000 triệu đồng)	15.000	15.000	
48	Trực thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát. (Trong đó, phần đền bù: 65.000 triệu đồng)	40.000	65.000	
<b>III.2</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>60.000</b>	<b>70.000</b>	
49	Tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Xây dựng nhà máy xử lý nước thải khu vực Dĩ An	60.000	60.000	
50	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An (Cải thiện môi trường Nam Bình Dương giai đoạn III)		10.000	CBĐT→
<b>B</b>	<b>HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI (B=I+II+III+IV)</b>	<b>536.900</b>	<b>441.300</b>	
<b>I</b>	<b>Y TẾ</b>	<b>191.762</b>	<b>98.622</b>	
<b>I.1</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>190.762</b>	<b>91.622</b>	
51	Phòng cháy chữa cháy bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng	1.400	0	
52	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Nguồn: trong cân đối NS tỉnh)	50.000	0	
53	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Uyên quy mô 200 giường (định hướng 400 giường)	10.000	10.000	
54	Cải tạo, sửa chữa bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng	2.000	2.000	
55	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ Bệnh viện chuyên khoa Lao, Tâm thần và khu tái định cư	21.000	10.600	
56	Các trục giao thông chính thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước	80.000	44.660	
57	Đầu tư nghề trọng điểm giai đoạn 2011-2015 - nghề điện dân dụng cấp độ quốc gia - Trường trung cấp nghề tỉnh Bình Dương.	3.000	2.500	
58	Thanh toán chi phí đền bù giải tỏa (lần 2) Khu Thương mại - Dịch vụ, Dân cư Định Hòa	2.362	2.362	
59	Cải tạo nâng cấp khối hiệu bộ, xây mới khối hội trường, trạm biến áp, nhà xe gắn máy Trường Chính trị	1.000	0	
60	Mua sắm trang bị máy móc thiết bị cho phòng labo xét nghiệm Huyết học và Hóa sinh - Bệnh viện đa khoa tỉnh	20.000	19.500	

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch điều chỉnh 2016	Ghi chú
I.2	<i>Dự án khởi công mới</i>	1.000	7.000	
61	Trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa tỉnh	1.000	7.000	
II	<b>GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO</b>	36.000	28.250	
II.1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	36.000	26.250	
62	Đầu tư trang thiết bị dạy học, bồi dưỡng giáo viên các trường THCS tạo nguồn, trường THPT chuyên Hùng Vương và trường THPT chất lượng cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013-2015.	10.000	550	
63	Đầu tư nghề trọng điểm giai đoạn 2011-2015 - nghề nguội sửa chữa máy công cụ cấp độ quốc gia - Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore.	2.000	1.700	
64	Nhà xưởng thực hành Trường trung cấp nghề Việt Hàn Bình Dương	24.000	24.000	
II.2	<i>Dự án khởi công mới</i>	0	2.000	
65	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Bàu Bàng		2.000	CBĐT→
III	<b>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG</b>	153.738	157.735	
III.1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	137.400	139.650	
66	Công nghệ thông tin tại bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng	2.100	1.900	
67	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương	32.000	24.000	
68	Trường quay - nhà bá âm FM Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương	100.000	107.750	
69	Trang thiết bị Trung tâm tin học và thông tin khoa học công nghệ	3.300	6.000	
III.2	<i>Dự án khởi công mới</i>	16.338	16.635	
70	Dự án bổ sung trang thiết bị công nghệ thông tin, điện tử phục vụ mô hình một cửa hiện đại tại UBND cấp huyện, cấp xã giai đoạn 1	16.338	15.635	
71	Dự án xây dựng các phần mềm quản lý chuyên ngành của Sở Kế hoạch và Đầu tư		1.000	CBĐT→
III.3	<i>Dự án thanh toán khối lượng</i>	0	1.450	
72	Ứng dụng công nghệ thông tin tại khu hành chính mở tỉnh Bình Dương		1.450	BSDM
IV	<b>VĂN HÓA - XÃ HỘI - THỂ THAO</b>	155.400	156.693	
IV.1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	155.400	154.693	
73	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Bình Dương (giai đoạn 2)	25.000	26.000	
74	Trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân và lao động trẻ Bình Dương	1.000	1.453	

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch điều chỉnh 2016	Ghi chú
	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm mười khải - Đ	40.000	10.500	
76	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư liên kế - phường Định Hòa	15.000	12.540	
77	Trùng tu, tôn tạo di tích nhà tù Phú Lợi	1.000	1.000	
78	Cải tạo, sửa chữa, xây mới Trung tâm giới thiệu việc làm Bình Dương	2.000	4.900	
79	Khu trung tâm quần thể tượng đài thuộc di tích lịch sử địa đạo Tam Giác Sắt	10.000	16.000	
80	Trung tâm nuôi dưỡng người già tàn tật cô đơn tỉnh Bình Dương - Hạng mục phát sinh PCCC	1.000	1.900	
81	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Bình Dương (cơ sở 1)	45.000	45.000	
82	Xây mới, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục của thư viện tỉnh	1.400	1.400	
83	Trung tâm Văn hóa thể thao công nhân lao động tỉnh Bình Dương	14.000	34.000	
IV.2	<b>Dự án khởi công mới</b>	0	2.000	
84	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục Nhà Thiếu nhi Bình Dương (giai đoạn 3)		2.000	CBĐT→
C	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - QPAN (C=I+II+III+IV)</b>	185.000	211.364	
I	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>	8.400	13.599	
I.1	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	8.400	5.300	
85	Xây dựng cơ sở dữ liệu dân cư tỉnh Bình Dương	8.400	5.300	
I.2	<b>Dự án khởi công mới</b>	-	8.299	
86	Trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ núi Cậu - Dầu Tiếng và các hạng mục phụ trợ		2.900	CBĐT→
87	Xí nghiệp Công trình công cộng huyện Bàu Bàng		5.399	CBĐT→
II	<b>QUỐC PHÒNG</b>	53.300	52.250	
II.1	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	13.300	12.250	
88	Xây dựng doanh trại Đại đội trinh sát	11.700	10.650	
89	Xây dựng doanh trại, trận địa d168/e276/f367/QC PK-KQ	1.600	1.600	
II.2	<b>Dự án khởi công mới</b>	40.000	40.000	
90	Xây dựng Doanh trại Tiểu đoàn đặc công 60/Bộ tham mưu QK7	40.000	40.000	
III	<b>AN NINH</b>	76.500	97.000	
III.1	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	76.500	65.050	
91	Mua sắm phương tiện, thiết bị nghiệp vụ cho công an tỉnh Bình Dương	15.000	14.000	

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch điều chỉnh 2016	Ghi chú
92	Cơ sở làm việc Công an các phường trên địa bàn tỉnh Bình Dương - Giai đoạn I Công an các phường thuộc Công an thị xã Thuận An	800	350	
93	Cơ sở làm việc Công an huyện Bàu Bàng thuộc Công an tỉnh Bình Dương	25.700	20.700	
94	Trang bị hệ thống vô tuyến Trunking - Công an tỉnh	35.000	30.000	
<b>III.2</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>	-	<b>31.950</b>	
95	Trường bắn súng ngắn kết hợp hội trường 500 chỗ		8.720	CBĐT→
96	Mua sắm thiết bị, nghiệp vụ chuyên dùng công an tỉnh Bình Dương		13.230	CBĐT→
97	Trụ sở làm việc Công an phường Tân Hiệp		3.000	BSDM
98	Trụ sở làm việc Công an phường Thới Hòa		3.000	BSDM
99	Trụ sở làm việc Công an phường Chánh Phú Hòa		3.000	BSDM
100	Trụ sở làm việc Công an phường Hòa Lợi		1.000	BSDM
<b>IV</b>	<b>PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY</b>	<b>46.800</b>	<b>48.515</b>	
<b>IV.1</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>46.800</b>	<b>40.430</b>	
101	Đội Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tại Khu đô thị mới Bình Dương.	8.800	8.800	
102	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác của Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bình Dương	3.000	0	
103	Mua sắm xe thang 62m cứu hộ và chữa cháy nhà cao tầng	35.000	31.630	
<b>IV.2</b>	<b>Dự án thanh toán khối lượng</b>	-	<b>2.520</b>	
104	Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy khu vực Bến Cát		2.520	BSDM
<b>IV.2</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>	-	<b>5.565</b>	
105	Xây dựng trụ sở các đội Cảnh sát PC&CC khu vực: Phường Bình Thắng - Thị xã Dĩ An; KCN VSIP 2 - xã Vĩnh Tân - Thị xã Tân Uyên; KCN Đất Cuốc - Xã Đất Cuốc - huyện Bắc Tân Uyên; Xã Phước Hoà - huyện Phú Giáo; Thị trấn Dầu Tiếng - huyện Dầu Tiếng		1.000	CBĐT→
106	Xây dựng Đội cảnh sát PCCC khu vực thuộc Phòng cảnh sát PC&CC số 1 (Phường Phú Mỹ - Tp.TDM)		4.565	CBĐT→



Phụ lục V

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2016  
VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT



(Kèm theo Quyết định số 19 /2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2016		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	
	<b>TỔNG SỐ</b>	900.000	49.857	965.000	68.674	
<b>A</b>	<b>KHỐI TỈNH</b>	345.000	0	350.000	0	
<b>I</b>	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>	7.000	0	3.000	0	
	<b>Y TẾ</b>	7.000	0	3.000	0	
1	Dự án cải tạo sửa chữa mở rộng khu mổ, X quang, khoa nhi, nhánh A, nhánh B của Bệnh viện đa khoa tỉnh	2.000		1.000		
2	Thiết bị giảng dạy Trường Cao đẳng y tế tỉnh Bình Dương	2.000		1.000		
3	Khối Kỹ thuật trung tâm và Nhà quản thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện đa khoa 1500 giường và Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	3.000		1.000		
<b>II</b>	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>	338.000	0	347.000	0	
	<b>Y TẾ</b>	315.000	0	316.700	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	295.000	0	296.700	0	
4	Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi tỉnh Bình Dương giai đoạn I (Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi tỉnh Bình Dương)	11.000		92.400		
5	Bệnh viện chuyên khoa Tâm Thần tỉnh Bình Dương giai đoạn I (Bệnh viện chuyên khoa Tâm Thần tỉnh Bình Dương)	10.000		68.200		
6	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Nguồn: Xổ số kiến thiết)	219.000		79.300		
7	Khu điều trị 300 giường (Khoa Sản) thuộc BVĐK tỉnh	20.000		20.000		
8	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	35.000		36.800		
	<i>Dự án khởi công mới</i>	20.000	0	20.000	0	
9	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	20.000		20.000		
	<i>Dự án đang xem xét nguồn vốn</i>	0	0	0	0	
10	Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng tỉnh	0				
	<b>GIÁO DỤC</b>	23.000	0	30.300	0	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2016		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	23.000	0	30.300	0	
11	Trường Cao Đẳng Y Dược tỉnh Bình Dương	7.000		13.000		
12	Ký túc xá, nhà ăn, nhà bếp Trường THPT chuyên Hùng Vương	16.000		17.300		
B	<b>KHỐI HUYỆN THỊ</b>	555.000	49.857	615.000	68.674	
	<i>Dự án giáo dục</i>	543.800	49.857	603.800	68.674	
	<i>Dự án y tế</i>	11.200	0	11.200	0	
I	<b>THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT</b>	90.000	0	90.000	0	
	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>	500	0	500	0	
	<b>GIÁO DỤC</b>	500	0	500	0	
13	Trường THCS tạo nguồn thành phố Thủ Dầu Một	500		500		
	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>	89.500	0	89.500	0	
	<b>GIÁO DỤC</b>	89.500	0	89.500	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	89.500	0	89.500	0	
14	Trường Mẫu giáo Sao Mai	6.000		6.000		
15	Trường Tiểu học Phú Tân	5.000		5.000		
16	Trường Mầm non Hòa Phú	17.500		17.500		
17	Trường mẫu giáo Hoa Hường Dương	5.000		5.000		
18	Trường Tiểu học Hòa Phú	20.000		20.000		
19	Trường Tiểu học Tương Bình Hiệp	18.000		18.000		
20	Trường Trung học cơ sở Tương Bình Hiệp	18.000		18.000		
	<i>Dự án đang xem xét nguồn vốn</i>	0	0	0	0	
21	Trường Mầm non Họa Mĩ					
22	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi, phường Phú Cường					
23	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai					
24	Trường Tiểu học Chánh Nghĩa	0				
25	Trường Trung học cơ sở Trần Bình Trọng					
II	<b>THỊ XÃ THUẬN AN</b>	80.000	0	80.000	0	
	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>	500	0	500	0	
	<b>GIÁO DỤC</b>	500	0	500	0	
26	Mở rộng trường THCS Trịnh Hoài Đức	500		500		
	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>	79.500	0	79.500	0	
	<b>GIÁO DỤC</b>	79.500	0	79.500	0	
	<i>Dự án đã hoàn thành từ các năm trước</i>	2.744	0	3.209	0	
27	Trường Mẫu giáo Hoa Cúc 09	500		493		
28	Trường TH Bình Quới	700		1.286		
29	Trường TH Lý Tự Trọng GD2	700		700		

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2016		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	
30	Trường TH Tân Thới	344		61		
31	Trường THCS Trịnh Hoài Đức giai đoạn 2	500		669		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>76.756</i>	<i>0</i>	<i>76.291</i>	<i>0</i>	
32	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn 2	26.756		26.791		
33	Trường THCS Thuận Giao	20.000		34.500		
34	Trường THCS Nguyễn Trung Trực	30.000		15.000		
III	<b>THỊ XÃ DĨ AN</b>	<b>80.000</b>	<b>0</b>	<b>100.000</b>	<b>12.538</b>	
	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>	<b>900</b>	<b>0</b>	<b>1.200</b>	<b>0</b>	
	<b>GIÁO DỤC</b>	<b>900</b>	<b>0</b>	<b>1.200</b>	<b>0</b>	
35	Trường THCS Đông Chiêu	300		300		
36	Trường THCS Dĩ An (giai đoạn 2)	300		300		
37	Mở rộng Trường THCS Đông Hòa			300		
38	Trường Tiểu học Dĩ An B	300		300		
	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>	<b>79.100</b>	<b>0</b>	<b>98.800</b>	<b>12.538</b>	
	<b>GIÁO DỤC</b>	<b>79.100</b>	<b>0</b>	<b>98.800</b>	<b>12.538</b>	
	<i>Dự án hoàn thành từ các năm trước</i>	<i>7.957</i>	<i>0</i>	<i>6.319</i>	<i>6.319</i>	
39	Trường Trung học cơ sở Tân Bình	2.379		2.351	2.351	
40	Trường Tiểu học Đông Chiêu	150		0		
41	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	1.274		1.236	1.236	
42	Trường THCS Đông Hòa	1.007		619	619	
43	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	1.120		1.212	1.212	
44	Trường mẫu giáo Thống Nhất	1.000		660	660	
45	Mở rộng trường THCS Võ Trường Toản	1.027		241	241	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>71.143</i>	<i>0</i>	<i>92.481</i>	<i>6.219</i>	<i>0</i>
46	Trường Trung học cơ sở Bình Thắng	8.000		8.000	4.472	
47	Trường Tiểu học Thống Nhất	9.143		13.512		
48	Trường MG Hoa Hồng 1	9.000		10.196	1.747	
49	Cải tạo, NC và MR trường TH Đông Hoà B	21.000		29.000		
50	Nhà tập đa năng trường THCS An Bình	7.000		7.000		
51	Trường TH An Bình A	17.000		24.773		
IV	<b>THỊ XÃ BẾN CÁT</b>	<b>65.000</b>	<b>0</b>	<b>75.000</b>	<b>0</b>	
	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>	<b>500</b>	<b>0</b>	<b>500</b>	<b>0</b>	
	<b>GIÁO DỤC</b>	<b>500</b>	<b>0</b>	<b>500</b>	<b>0</b>	
52	Trường MN An Tây	500		500		
	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>	<b>64.500</b>	<b>0</b>	<b>74.500</b>	<b>0</b>	
	<b>GIÁO DỤC</b>	<b>64.500</b>	<b>0</b>	<b>74.500</b>	<b>0</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>64.500</i>	<i>0</i>	<i>74.500</i>	<i>0</i>	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2016		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	
53	Trường Mầm non Hòa Lợi	14.500		19.500		
54	Trường Mầm non An Điền	15.000		18.000		
55	Trường Tiểu học Chánh Phú Hòa	15.000		15.000		
56	Trường Tiểu học An Điền	10.000		12.000		
57	Trường Mầm non Mỹ Phước	10.000		10.000		
V	<b>THỊ XÃ TÂN UYÊN</b>	<b>60.000</b>	<b>3.578</b>	<b>70.000</b>	<b>12.440</b>	
	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>	<b>66</b>	<b>0</b>	
	<b>GIÁO DỤC</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>	<b>66</b>	<b>0</b>	
58	Trường Tiểu học Thái Hòa B	500		16		
59	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	500		50		
	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>	<b>59.000</b>	<b>3.578</b>	<b>69.934</b>	<b>12.440</b>	
	<b>Y TẾ</b>	<b>10.000</b>	<b>0</b>	<b>10.000</b>	<b>0</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<b>10.000</b>	<b>0</b>	<b>10.000</b>	<b>0</b>	
60	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Uyên quy mô 200 giường (định hướng 400 giường)	10.000	0	10.000		
	<b>GIÁO DỤC</b>	<b>49.000</b>	<b>3.578</b>	<b>59.934</b>	<b>12.440</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<b>49.000</b>	<b>3.578</b>	<b>59.934</b>	<b>12.440</b>	
61	Trường Tiểu học Phú Chánh	10.000		10.000	8.682	
62	Trường Mẫu giáo Phú Chánh	9.000	3.578	9.000	3.758	
63	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	8.000		13.000		
64	Trường Tiểu học Uyên Hưng B	8.000		13.934		
65	Trường Tiểu học Hội Nghĩa	7.000		7.000		
66	Trường Mầm non Thanh Hội	6.000		6.000		
67	Trường THCS Phú Chánh	1.000		1.000		
VI	<b>HUYỆN BẮC TÂN UYÊN</b>	<b>45.000</b>	<b>0</b>	<b>50.000</b>	<b>0</b>	
	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>	<b>500</b>	<b>0</b>	<b>500</b>	<b>0</b>	
	<b>GIÁO DỤC</b>	<b>500</b>	<b>0</b>	<b>500</b>	<b>0</b>	
68	Trường THCS Tân Mỹ	500		500		
	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>	<b>44.500</b>	<b>0</b>	<b>49.500</b>	<b>0</b>	
	<b>GIÁO DỤC</b>	<b>44.500</b>	<b>0</b>	<b>49.500</b>	<b>0</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<b>44.500</b>	<b>0</b>	<b>49.500</b>	<b>0</b>	
69	Trường Mầm non Thường Tân	15.000		15.000		
70	Trường Tiểu học Tân Định	8.000		8.000		
71	Trường Mầm non Hoa Anh Đào	21.500		26.500		
	<i>Dự án đang xem xét nguồn vốn</i>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
72	Trường Tiểu học Tân Thành					
VII	<b>HUYỆN BÀU BÀNG</b>	<b>45.000</b>	<b>8.000</b>	<b>50.000</b>	<b>8.000</b>	
	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>	

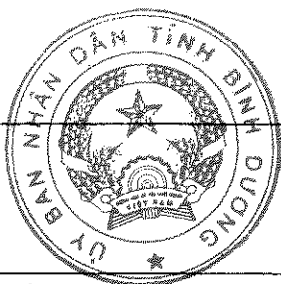
Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2016		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	
		1.000	0	1.000	0	
73	Trung tâm y tế huyện Bầu Bàng	1.000		1.000		
	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>	44.000	8.000	49.000	8.000	
	<b>GIÁO DỤC</b>	44.000	8.000	49.000	8.000	
	<i>Dự án hoàn thành từ các năm trước</i>	8.000	8.000	8.000	8.000	
74	Trường THPT Bầu Bàng	2.000	2.000	2.000	2.000	
75	Trường TH Cây Trường	2.000	2.000	2.000	2.000	
76	Trường TH Lai Hưng A (mở rộng)	2.000	2.000	2.000	2.000	
77	Trường TH Long Nguyễn	2.000	2.000	2.000	2.000	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	36.000	0	41.000	0	
78	Trường THCS Quang Trung	5.000		5.000		
79	Trường Mầm non Lai Uyên	11.000		16.000		
80	Trường TH Lai Uyên A	10.000		10.000		
81	Trường TH Hưng Hòa	10.000		10.000		
VIII	<b>HUYỆN PHÚ GIÁO</b>	45.000	27.778	50.000	27.742	
	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>	400	0	400	0	
	<b>Y TẾ</b>	200	0	200	0	
82	Đầu tư trang thiết bị y tế cho Trung tâm y tế huyện Phú Giáo	200		200		
	<b>GIÁO DỤC</b>	200	0	200	0	
83	Trường THCS tạo nguồn huyện Phú Giáo	200		200		
	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>	44.600	27.778	49.600	27.742	
	<b>GIÁO DỤC</b>	44.600	27.778	49.600	27.742	
	<i>Dự án hoàn thành từ các năm trước</i>	27.778	27.778	27.742	27.742	
84	Trường Mầm non Tân Long	2.000	2.000	2.000	2.000	
85	Trường Mầm non Vĩnh Hòa	2.368	2.368	2.332	2.332	
86	Trường THCS bán trú Phước Hòa	5.000	5.000	5.000	5.000	
87	Trường Trung học phổ thông Phước Vĩnh	5.000	5.000	5.000	5.000	
88	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa B	13.410	13.410	13.410	13.410	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	16.422	0	21.458	0	
89	Trường Mầm non Hòa Mí	5.000		7.000		
90	Trường Tiểu học Phước Sang	400		400		
91	Trường Tiểu học An Bình A	6.000		9.036		
92	Trường Tiểu học An Long	5.022		5.022		
	<i>Dự án khởi công mới</i>	400	-	400	-	
93	Trường Tiểu học Phước Vĩnh B	400		400		
	<i>Dự án đang xem xét nguồn vốn</i>	0	0	0	0	

Stt	Đanh mục	Kế hoạch năm 2016		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	Tổng số	Trong đó, thanh toán nợ khối lượng năm 2014	
94	Trường Tiểu học An Linh	0				
95	Trường Tiểu học An Thái giai đoạn 2	0				
IX	<b>HUYỆN DẦU TIẾNG</b>	<b>45.000</b>	<b>10.501</b>	<b>50.000</b>	<b>7.954</b>	
	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>	<b>1.700</b>	<b>1.641</b>	<b>1.774</b>	<b>1.774</b>	
	<b>GIÁO DỤC</b>	<b>1.700</b>	<b>1.641</b>	<b>1.774</b>	<b>1.774</b>	
96	Trường THCS Minh Hòa	1.400	1.341	1.474	1.474	
97	Trường Tiểu học An Lập (giai đoạn 1)	300	300	300	300	
	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>	<b>43.300</b>	<b>8.860</b>	<b>48.226</b>	<b>6.180</b>	
	<b>GIÁO DỤC</b>	<b>43.300</b>	<b>8.860</b>	<b>48.226</b>	<b>6.180</b>	
	<i>Dự án đã hoàn thành từ các năm trước</i>	<i>8.860</i>	<i>8.860</i>	<i>8.234</i>	<i>6.180</i>	
98	Trường Tiểu học Bến Súc	3.172	3.172	3.003	1.962	
99	Trường Tiểu học Dầu Tiếng	1.384	1.384	958	958	
100	Trường Mầm non Thanh An	4.304	4.304	4.273	3.260	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>34.440</i>	<i>0</i>	<i>39.992</i>	<i>0</i>	
101	Trường THPT Long Hòa (giai đoạn 1)	3.400		1.323		
102	Trường THCS Định Hiệp	5.700		15.000		
103	Trường Tiểu học Minh Thạnh	5.000		5.000		
104	Trường Mầm non Long Hòa	12.000		5.000		
105	Trường THCS Minh Tân	4.000		7.000		
106	Trường Tiểu học Định An	4.340		6.669		

Phụ lục VI


KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2016  
VỐN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 19 /2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch 2016	Kế hoạch điều chỉnh 2016	Ghi chú
	<b>VỐN HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ QUẢN LÝ</b>	<b>1.830.000</b>	<b>1.844.536</b>	
I	Thành phố Thủ Dầu Một	390.834	390.834	
a	Vốn phân cấp theo tiêu chí	190.834	190.834	
b	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	170.000	170.000	
1	Đường Hoàng Hoa Thám II	4.596	4.596	
2	Mở rộng vỉa hè đường Bạch Đằng (đoạn từ ngã ba đường Ngô Quyền đến đường Đinh Bộ Lĩnh)	17.991	17.991	
3	Đường từ Hoàng Hoa Thám (ngã tư thành đội) đến Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi.	4.869	4.869	
4	Đường mở mới từ đường CMT8 đến đường Nguyễn Tri Phương (đường tổ 36, khu 5, phường Chánh Nghĩa)	12.000	12.000	
5	Đường Trần Ngọc Lên - ĐL Bình Dương - đường Bùi Ngọc Thu (Đường tổ 7 ấp 1, P. Định Hoà)	20.000	20.000	
6	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ cầu Thổ Ngũ đến cầu Thầy Năng), phường Chánh Nghĩa	25.471	25.471	
7	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Ngọc Lên (từ ĐLBĐ đến đường Huỳnh Văn Lũy)	10.000	20.000	
8	Đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An	10.000	20.000	
9	Đường Trần Văn Ôn	9.000	9.000	
10	Nhà tang lễ thành phố Thủ Dầu Một	14.073	14.073	
11	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự TPTDM	13.000	13.000	
12	Nạo vét Suối Cầu Trệt	9.000	9.000	
	Dự phòng	20.000		
c	Vốn tỉnh hỗ trợ theo Nghị quyết 32/NQ-TU	30.000	30.000	
13	Đường Bạch Đằng nối dài phường Phú Cường	30.000	30.000	
II	Thị xã Thuận An	278.982	278.982	
a	Vốn phân cấp theo tiêu chí	228.982	228.982	
b	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	50.000	50.000	
14	Trường TH Bình Thuận	1.000	1.000	
15	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	42.400	46.179	
16	Trung tâm văn hóa An Sơn -giai đoạn 2 (Đầu tư thiết bị và xây dựng một số hạng mục phụ nhà văn hóa An Sơn)	1.600	1.600	
17	Xây dựng Trường tiểu học Bình Nhâm - 15 phòng học và nhà đa năng		1.221	BSDM
	Dự phòng	5.000		
III	Thị xã Dĩ An	281.533	281.533	
a	Vốn phân cấp theo tiêu chí	221.533	221.533	

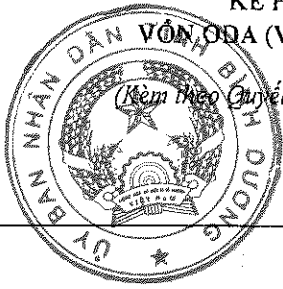
STT	Danh mục	Kế hoạch 2016	Kế hoạch điều chỉnh 2016	Ghi chú
	 <b>Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh</b>	<b>60.000</b>	<b>60.000</b>	
18	Khu di tích CM & sinh thái Hồ lang - Gđ I	20.000	23.000	
19	Sân vận động TX. Dĩ An	34.000	37.000	
	Dự phòng	6.000		
<b>IV</b>	<b>Thị xã Tân Uyên</b>	<b>162.926</b>	<b>162.926</b>	
<i>a</i>	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>	<i>87.926</i>	<i>87.926</i>	
<i>b</i>	<i>Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh</i>	<i>75.000</i>	<i>75.000</i>	
20	Nâng số hộ sử dụng điện xã Thanh Hội, xã Bạch Đằng, xã Phú Chánh, xã Vĩnh Tân, phường Tân Hiệp	4.800	4.800	
21	Nâng số hộ sử dụng điện phường Thái Hòa, Uyên Hưng, Tân Phước Khánh, Khánh Bình, xã Tân Vĩnh Hiệp	5.000	5.000	
22	Xây dựng Trạm Y tế phường Tân Phước Khánh	6.000	5.642	
23	Xây dựng Trạm Y tế xã Tân Vĩnh Hiệp	5.000	5.000	
24	Cầu qua Cù lao Bạch Đằng	8.000	10.887	
25	Phòng khám đa khoa phường Khánh Bình	3.000	2.000	
26	Khu Tái định cư phường Tân Phước Khánh	4.500	4.471	
27	Xây dựng Trạm Y tế xã Phú Chánh	5.000	3.500	
28	Xây dựng Trạm Y tế xã Vĩnh Tân	7.000	7.000	
29	Sửa chữa, dặm và tuyến đường ĐH 409 phường Tân Hiệp và xã Vĩnh Tân	5.000	11.500	
30	Nâng cấp BTN tuyến đường ĐH 418 (đoạn từ ĐT 747B đến ngã tư Nhà thờ)	4.200	4.200	
31	Khu di tích tưởng niệm truyền thống chiến khu Vĩnh Lợi	10.000	11.000	
	Dự phòng	7.500		
<b>V</b>	<b>Huyện Bắc Tân Uyên</b>	<b>136.438</b>	<b>136.438</b>	
<i>a</i>	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>	<i>76.438</i>	<i>76.438</i>	
<i>b</i>	<i>Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh</i>	<i>60.000</i>	<i>60.000</i>	
32	Trạm y tế xã Tân Bình	4.879	2.268	
33	XD Trạm y tế xã Tân Định	5.175	3.603	
34	Mua sắm trang thiết bị y tế cho phòng khám đa khoa khu vực tuyến huyện	7.153	8.160	
35	Nâng cấp mở rộng tuyến đường GTNT từ đường ĐH.415 đi hồ Đá Bàn.	13.156	13.156	
36	Nâng cấp bê tông nhựa đường ĐH.414 (giai đoạn 3)	13.240	13.240	
37	Trường mầm non Thường Tân	2.000	2.000	
38	Nâng cấp bê tông nhựa đường ĐH.424	8.397	8.397	
39	Trường Tiểu học Tân Định		9.176	BSDM
	Dự phòng	6.000		
<b>VI</b>	<b>Thị xã Bến Cát</b>	<b>155.908</b>	<b>155.908</b>	
<i>a</i>	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>	<i>93.908</i>	<i>93.908</i>	
<i>b</i>	<i>Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh</i>	<i>62.000</i>	<i>62.000</i>	

STT	Danh mục	Kế hoạch 2016	Kế hoạch điều chỉnh 2016	Ghi chú
40	Văn Phòng làm việc khu phố 7, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát	1.182	1.182	
41	Văn Phòng làm việc khu phố 4, phường Tân Định, thị xã Bến Cát	1.091	1.091	
42	Trụ sở làm việc Công An xã An Tây, thị xã Bến Cát	3.182	3.182	
43	Trụ sở làm việc Công An xã Phú An, thị xã Bến Cát	3.182	3.182	
44	Xây dựng nhà một cửa liên thông phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát	1.818	1.818	
45	Nâng cấp mặt đường, cải tạo vỉa hè, HTCS tuyến đường từ ngã 3 vật tư đến ngã 4 Tân Dù	10.000	10.000	
46	Đường Gò Cào Cào (Từ QL 13 đến đường Mỹ Phước - Tân Vạn)	8.182	8.182	
47	Giải tỏa bồi thường công trình xây dựng công viên dọc sông Thị Tính (đoạn qua Chợ Bến Cát)	17.273	17.273	
48	Xây dựng kè dọc sông Thị Tính, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát (đoạn qua Chợ Bến Cát)	9.545	9.545	
49	Trường Tiểu học Chánh Phú Hòa	-	6.545	BSDM
	Dự phòng	6.545		
<b>VII</b>	<b>Huyện Bàu Bàng</b>	<b>141.669</b>	<b>141.669</b>	
<i>a</i>	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>	<i>71.669</i>	<i>71.669</i>	
<i>b</i>	<i>Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh</i>	<i>70.000</i>	<i>70.000</i>	
50	Trung tâm văn hóa - thể thao huyện	2.000	2.000	
51	Duy tu sửa chữa đường vào khu dân cư Long Nguyên (đoạn từ ĐT 749a đến ngã tư bản trắng)	12.000	12.000	
52	Bê tông nhựa đường văn phòng ấp 4 đến Trại Gà Đông Thịnh, xã Trừ Văn Thố	7.500	10.000	
53	Bê tông nhựa đường bàu đồng, ấp Suối Tre	8.000	12.000	
54	HTCS tuyến đường 16 A, xã Cây Trường II	1.400	1.400	
55	HTCS tuyến đường từ QL 13 đi Hồ Từ Vân, xã Lai Hưng	1.100	1.100	
56	Trung tâm văn hóa xã Cây Trường II (giai đoạn I)	4.600	4.600	
57	Nâng cấp láng nhựa đường liên xã Cây Trường - Long Tân	14.000	14.000	
58	Trụ sở Đài Truyền thanh	1.000	1.000	
59	Nâng cấp đường liên ấp đường bê tông nhựa nóng 16 A xã Cây Trường II.	4.500	4.500	
60	Duy tu sửa chữa đường vào khu dân cư Long Nguyên	6.900	7.400	
	Dự phòng	7.000		
<b>VIII</b>	<b>Huyện Phú Giáo</b>	<b>143.129</b>	<b>157.665</b>	
<i>a</i>	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>	<i>85.129</i>	<i>85.129</i>	
<i>b</i>	<i>Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh</i>	<i>58.000</i>	<i>72.536</i>	
61	Đường nội ô thị trấn Phước Vĩnh giai đoạn 2 dài 5 km	7.705	7.593	
62	Đường ĐH503 đi ĐH501 và nhánh rẽ đi trung tâm cai nghiện	15.276	14.497	
63	Đường từ ĐH506 đi ĐH507 và các nhánh rẽ đi ĐT741	6.404	4.536	
64	Xây dựng mới Cầu Rạch Bé	8.153	8.650	
65	XD sân tập TDTT, hồ bơi, nhà điều hành, cây xanh sân vận động	4.996	4.967	

STT	Danh mục	Kế hoạch 2016	Kế hoạch điều chỉnh 2016	Ghi chú
66	Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện Phú Giáo	3.340	3.286	
67	Xây dựng trụ sở đội Công trình Công cộng	2.000	7.800	
68	Đầu tư nâng cấp đường 19/5	4.326	4.326	
69	Đường An Bình đi An Linh		2.345	BSDM
70	Bồi thường giải tỏa khu đất bàn giao cho Trung đoàn 271 thuộc Bộ tư lệnh Quân khu 7		14.536	BSDM
	Dự phòng	5.800		
<b>IX</b>	<b>Huyện Dầu Tiếng</b>	<b>138.581</b>	<b>138.581</b>	
<i>a</i>	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>	<i>93.581</i>	<i>93.581</i>	
<i>b</i>	<i>Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh</i>	<i>45.000</i>	<i>45.000</i>	
71	Nâng cấp, mở rộng đường trước Huyện uỷ - UBND huyện đến đường vành đai ĐT 744	1.000	200	
72	Rải đá, láng nhựa đường từ ngã ba Dốc Chùa đến ngã ba đường ĐH 707 xã Minh Thạnh	7.000	13.100	
73	Nâng cấp, mở rộng đoạn từ ngã ba Dốc Lâm Vô đến ngã tư Chú Thái, xã Thanh Tuyên, huyện Dầu Tiếng (giai đoạn 2)	5.000	5.000	
74	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Hạt kiểm lâm vào khu du lịch hồ Dầu Tiếng (đường đôi gắn với trồng cây xanh giữa giải phân cách rộng 4,5m)	1.000	200	
75	Nâng cấp, mở rộng đoạn đường từ đường ĐT.748 đến trước chợ Phú Bình và đoạn từ đường ĐT.748 đến trạm y tế Nông trường cao su An Lập, xã An Lập, huyện Dầu Tiếng	5.412	5.351	
76	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 từ Thanh An, Định Hiệp đến Minh Hòa (đoạn qua xã Định An)	6.500	6.500	
77	Bia đền tưởng niệm thanh niên xung phong xã Thanh An	6.194	6.255	
78	Bia chiến thắng Suối Dứa thị trấn Dầu Tiếng	3.394	3.394	
79	Xây dựng nhà ở Đại đội dân quân cơ động Ban CHQS huyện	5.000	5.000	
	Dự phòng	4.500		

Phụ lục VII

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2016  
 (VỐN ODA (VAY, VIỆN TRỢ) ĐƯA VÀO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG



(Xem theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2016  
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục	Kế hoạch năm 2016		Kế hoạch điều chỉnh năm 2016		Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	
	<b>TỔNG SỐ</b>	1.006.000	932.000	74.000	932.000	
I	Ngành Cấp thoát nước - Môi trường	882.000	832.000	50.000	832.000	-
1	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương - Giai đoạn II	882.000	832.000	50.000	832.000	-
II	Ngành Giáo dục - Đào tạo	124.000	100.000	24.000	100.000	
2	Nhà xưởng thực hành Trường trung cấp nghề Việt Hàn Bình Dương	124.000	100.000	24.000	100.000	

